

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HS-ST.

Ngày 10/8/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Lân .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung – Cán bộ hưu trí.

2. Ông Nguyễn Văn Hòa – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 60/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/HSST-QĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1995; CCCD số: 052195014525, cấp ngày 11/10/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Số B N, thôn D (nay là thôn D), xã B, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn B (sinh năm 1965) và bà: Phan Thị C (sinh năm 1969); chồng: Trần Văn D (sinh năm 1988); con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2025 đến ngày 17/4/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại xã B, tỉnh Gia Lai cho đến nay (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thúy V; sinh năm: 1971; nơi cư trú: Số A N, thôn D (nay là thôn D), xã B, tỉnh Gia Lai (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L được cha mẹ chồng cho ở tại nhà số B N, thôn D (nay là thôn D), xã B, tỉnh Gia Lai để buôn bán tạp hóa tại nhà cha mẹ tại số B N, thôn D (nay là thôn D), xã B, tỉnh Gia Lai. Do việc buôn bán hàng tạp hóa ế ẩm, ít người mua, mặt khác thấy nhiều người hỏi mua thuốc lá ngoại nhập nên L nảy sinh ý định mua về để bán kiếm lời. Vào đầu tháng 4/2025, thông qua người quen bà Trần Thị Thúy V là người cùng khu phố và được bà V cho số điện thoại 0355.260.659 của một người phụ nữ tên B1 (cơ quan CSĐT không xác định được họ tên, địa chỉ) và nói người này có bán thuốc lá ngoại nhập. Tối ngày 05/4/2025, L sử dụng điện thoại của mình, dùng ứng dụng Zalo tên “Lành N” chủ động liên hệ tìm và gọi điện thoại bằng ứng dụng này cho người tên “Bin” để hỏi mua thuốc lá ngoại của người này. Qua trao đổi, người này nói với L, sau khi đặt hàng thì cần thời gian để chuẩn bị, khi nào có thuốc lá thì sẽ báo lại và chờ đến giao sau, khi nhận đủ hàng thì trả tiền mặt cho tài xế là được, không cho nợ vì chưa quen biết gì nhau. L đồng ý và đặt mua 5.600 bao thuốc lá điều ngoại nhập các loại, bao gồm: 270 bao thuốc lá điều ngoại nhập hiệu MOND VARIANCE, 4.550 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET, 300 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 GOLD và 480 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO với tổng số tiền 110.000.000 đồng.

Đến khoảng 19 giờ ngày 08/4/2025, B1 gọi lại cho L qua ứng dụng Zalo và báo khoảng nửa đêm thì sẽ giao hàng, bảo Lành chờ nhận hàng và chuẩn bị tiền mặt để trả. Khoảng 00 giờ 30 ngày 09/4/2025, có một xe ô tô loại xe For không rõ biển số do một người đàn ông điều khiển đến trước nhà L ở B N, thôn D, xã B, tỉnh Gia Lai. Người đàn ông nói với L là giao hàng của chị B1 gửi. Sau đó, người đàn ông đưa 10 bao và 2 thùng đựng thuốc lá ngoại nhập lậu vào nhà L. Tài xế nói L trả tiền mặt như thỏa thuận với chị B1, cam đoan số lượng đủ, nếu thiếu thì chị B1 sẽ xử lý sau. Lành không kiểm tra số lượng cụ thể nhưng tin tưởng số lượng đủ nên trả tiền mặt số tiền 110.000.000 đồng cho tài xế và chuyển các thùng, bao đựng thuốc lá vào nhà 209 N, xã B, Gia Lai cất giấu.

Đến sáng ngày 09/4/2025, Phòng C1 phối hợp với Công an thị trấn B - Công an tỉnh B (cũ) tổ chức tổ tuần tra, kiểm tra hành chính tại nhà số B N, khu phố D, thị trấn B, huyện P (nay là thôn D, xã B, tỉnh Gia Lai) phát hiện và bắt quả tang L đang cất giấu hàng cấm là thuốc lá điều ngoại nhập lậu. Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC03) đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị L đã có hành vi cất giữ 5.600 bao thuốc lá điều ngoại nhập, bao gồm: 270 bao thuốc lá điều ngoại nhập hiệu MOND VARIANCE, 4.550 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET, 300 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 GOLD và 480 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO.

- Tại Kết luận giám định số 538/KL-KTHS ngày 14/4/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 5.600 bao thuốc lá các loại nêu trên không phải là thuốc lá điều được sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất). Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng không đủ cơ sở để kết

lượn các mẫu thuốc lá điều mang các nhãn hiệu trên có nguồn gốc, xuất xứ chính xác từ nước nào.

* *Về vật chứng vụ án*: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cũ (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G) bắt quả tang và thu giữ: 5.600 bao thuốc lá điều ngoại nhập các loại, trong đó, 270 bao thuốc lá điều hiệu MOND VARIANCE; 4.550 bao thuốc lá điều hiệu JET; 300 bao thuốc lá điều hiệu 555 GOLD; 480 bao thuốc lá điều hiệu HERO.

Sau giám định, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Gia Lai bảo quản gồm: 200 bao thuốc lá điều hiệu MOND VARIANCE; 4.250 bao thuốc lá điều hiệu JET; 200 bao thuốc lá điều hiệu 555 GOLD; 380 bao thuốc lá điều hiệu HERO, tổng cộng 5.030 bao được niêm phong trong 11 thùng cat tông có hình dấu tròn màu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng và chữ ký, ghi họ tên Phạm Phú Q và Nguyễn Ngọc N1.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKSGL-P1, ngày 13/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Gia Lai trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự và không có thay đổi, bổ sung gì thêm.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L với mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX: Tịch thu, tiêu hủy: 5.030 bao thuốc lá điều ngoại nhập các loại, trong đó, 200 bao thuốc lá điều hiệu MOND VARIANCE; 4.250 bao thuốc lá điều hiệu JET; 200 bao thuốc lá điều hiệu 555 GOLD; 380 bao thuốc lá điều hiệu HERO (còn lại sau giám định).

Trong phần tự bào chữa và tranh luận, bị cáo Nguyễn Thị L đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối cải và mong HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo có người có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện tại nuôi 3 người con còn nhỏ và mẹ chồng bệnh nặng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[1.2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 20/7/2026, bị cáo Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư T và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, đến ngày 03/8/2026, bị cáo nộp đơn từ chối Luật sư bào chữa cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày việc từ chối là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đe dọa; đồng thời, bị cáo xác nhận tự mình thực hiện quyền bào chữa tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy việc từ chối người bào chữa của bị cáo là tự nguyện, rõ ràng, không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền tố tụng khác của bị cáo và không thuộc trường hợp pháp luật bắt buộc phải duy trì người bào chữa trái với ý chí hợp pháp của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bị cáo từ chối người bào chữa và tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét nội dung vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ diễn biến của vụ án và hành vi của mình đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 09/4/2025, Kết luận giám định số: 538/KL-KTHS ngày 14/4/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng đầu tháng 4/2025, Nguyễn Thị L đã sử dụng ứng dụng zalo liên lạc với một người phụ nữ tên B1 (không rõ lai lịch) để hỏi mua 5.600 bao thuốc lá điều ngoại nhập các loại với tổng số tiền 110.000.000 đồng nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Đến rạng sáng ngày 09/4/2025, người bán đã giao cho L 5.600 bao thuốc lá điều ngoại nhập các loại như đã thỏa thuận mua, sau khi nhận hàng, L không kiểm tra mà cất giấu số thuốc lá này trong nhà và chưa kịp tiêu thụ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang L cất giấu 5.600 bao thuốc lá điều ngoại nhập, bao gồm: 270 bao thuốc lá điều ngoại nhập hiệu MOND VARIANCE, 4.550 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET, 300 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 GOLD và 480 bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO. Qua giám định đã xác định

5.600 bao thuốc lá điều các loại nêu trên không phải là thuốc lá điều được sản xuất tại Việt Nam (do nước ngoài sản xuất).

Hành vi cất giấu 5.600 bao thuốc lá điều nhập lậu nhằm mục đích bán kiếm lời của Nguyễn Thị L đủ yếu tố cấu thành tội “*Buôn bán hàng cấm*” với tình tiết định khung hình phạt “*Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 62/CT-VKSGL-P1 ngày 13/5/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L với tội danh, khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước đối với các loại hàng hóa cấm kinh doanh, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định thị trường kinh doanh hàng hóa nói chung và thuốc lá điều nói riêng mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức được việc buôn bán thuốc lá điều nhập lậu là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích thu lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn, ăn năn, hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có người có công với cách mạng và thờ cúng liệt sĩ, bản thân bị cáo là lao động chính của gia đình, nuôi 3 con còn nhỏ và mẹ chồng bị bệnh nặng không tự chăm sóc bản thân được. Do vậy, HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để HĐXX cân nhắc khi lượng hình, quyết định mức hình phạt có lý, có tình nhằm tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 5.030 bao thuốc lá điều (còn lại sau giám định), trong đó, 200 bao thuốc lá điều hiệu MOND VARIANCE; 4.250 bao thuốc lá điều hiệu JET; 200 bao thuốc lá điều hiệu 555 GOLD; 380 bao thuốc lá điều hiệu HERO, xét đây là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành nên HĐXX xét tịch thu và tiêu hủy.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với Trần Thị Thúy V là người cho số điện thoại của đối tượng tên Bin cho Nguyễn Thị L, qua điều tra xác định V chỉ là người cho Lành số điện thoại, việc L liên lạc với đối tượng này vào thời gian nào? thỏa thuận mua thuốc lá ngoại

nhập số lượng, chủng loại, giá mua cũng như thời gian giao nhận thuốc lá thì V không biết và không tham gia. Do vậy, không có căn cứ xác định Trần Thị Thúy V đồng phạm với Nguyễn Thị L về tội Buôn bán hàng cấm.

- Đối với đối tượng tên B1 (không rõ lai lịch) đã sử dụng số điện thoại 0355.260.659, Cơ quan điều tra đã xác minh chủ thuê bao 0355.260.659 là anh Đinh Hữu Đ mua và đăng ký chủ thuê bao với số điện thoại nêu trên từ ngày 15/12/2023. Anh Đ đăng ký tài khoản zalo bằng số điện thoại trên với tên “Vân An” cho con gái là Đinh Thị Vân A (học sinh lớp 6) sử dụng để liên lạc với người thân, gia đình dưới sự quản lý, giám sát của anh Đ. Cơ quan điều tra xác minh số điện thoại nêu trên khởi tạo tài khoản ngày 16/12/2023 sau đó bị xóa ngày 01/7/2024. Ngày 03/7/2024 khởi tạo tài khoản “Vân An”, không liên lạc hay buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu với Nguyễn Thị L. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

2. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L **08** (tám) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án, khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 09/4/2025 đến ngày 17/4/2025.

3. *Về xử lý vật chứng:* Tịch thu và tiêu hủy: 5.030 bao thuốc lá điều (còn lại sau giám định), trong đó, 200 bao thuốc lá điều hiệu MOND VARIANCE; 4.250 bao thuốc lá điều hiệu JET; 200 bao thuốc lá điều hiệu 555 GOLD; 380 bao thuốc lá điều hiệu HERO.

(Có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản vào ngày 19/5/2026, đã chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Gia Lai tạm giữ, bảo quản).

4. *Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

*** Nơi nhận:**

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – CA T. Gia Lai;
- VP Cơ quan CSĐT CA T. Gia Lai;
- Phòng THA DS khu vực 3 - Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Lân